

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nghi

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Hà

Ông Lê Nam Văn

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 213, Điều 287 và khoản 1, 2 Điều 356 của Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ Điều 33, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 24; khoản 8 Điều 26; điểm b khoản 6 Điều 27, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. (Ban hành kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án),

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 92/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự

Nguyên đơn: Chị Tô Thị Tr – sinh năm 1999

Địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện H, Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Lê Văn M – sinh năm 1999

Địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Tô Thị Tr và anh Lê Văn M thuận tình ly hôn.

- Về quyền nuôi con chung: Công nhận cháu Lê Công A, sinh ngày 04/5/2019 là con chung của anh M và chị Tr. Nay giao cho chị Tr được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Công A, anh M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2021 cho đến khi cháu Lê Công A đủ 18 tuổi. Hiện nay cháu Lê Công A đang được gia đình anh M chăm sóc, anh M có nghĩa vụ giao lại cháu Lê Công A cho chị Tr vào ngày 30/07/2021, không ai được cản trở việc giao lại con cho chị Tr. Anh M được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, chị Tr và người thân không ai được cản trở quyền được thăm con, nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Hết ngày 30/7/2021 mà anh M không tự nguyện giao con chung cho chị Tr nuôi dưỡng thì chị Tr có quyền yêu cầu Thi hành án để thi hành việc giao con.

- Về tài sản chung: Công nhận chị Tr, anh M có 01,8 cây vàng 99,99% loại 24k tài sản chung sau khi cưới. Giao cho chị Tô Thị Tr được quyền quản lý, sử dụng và định đoạt 09 (chín) chỉ vàng 99,99% loại vàng 24k tương ứng với số tiền theo giá thị trường tại thời điểm xét xử là $5.085.000\text{đ}/\text{chỉ} \times 09 = 45.765.000\text{đ}$. Anh M được quyền quản lý, sử dụng và định đoạt 09 (chín) chỉ vàng 99,99% loại vàng 24k tương ứng số tiền tại thời điểm xét xử sơ thẩm là $5.085.000\text{đ}/\text{chỉ} \times 09 = 45.765.000\text{đ}$. Anh M có trách nhiệm giao lại cho chị Tr 09 chỉ vàng 99,99% loại vàng 24k kể từ ngày quyết định được ban hành. Trường hợp anh M không thực hiện nghĩa vụ giao vật đúng chất lượng, chủng loại đã xác định thì phải có nghĩa vụ giao lại bằng tiền VNĐ theo giá trị tương ứng tại thời điểm thi hành cho chị Tr. Nếu anh M không tự nguyện giao tài sản là vàng 99,99% loại 24k hoặc bằng tiền, thì chị Tr có quyền làm đơn yêu cầu Thi hành án để thi hành, nếu người có nghĩa vụ thi hành án mà không thi hành, thi hành không đầy đủ hoặc có hành vi gây thiệt hại, thì bên có nghĩa vụ thi hành án phải bồi thường thiệt hại theo khoản 3 Điều 357 của BLDS 2015.

- Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tr có nghĩa vụ phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và 2.288.000đ (hai triệu, hai trăm tám mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch. Anh M có nghĩa vụ phải nộp 300.000đ án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ và 2.288.000đ (hai triệu, hai trăm tám mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch. Số tiền tạm ứng án phí mà chị Tr đã nộp được đối trừ vào số tiền theo biên lai số: AA/2019/0008188 ngày 17 tháng 6 năm 2021 của Chi cục THA dân sự huyện H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát H;
- UBND xã M;
- Thi hành án H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nghi